

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN HUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 05 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 119a/TB- MN NH ngày 05/10/2022 của trường MN Nguyễn Huệ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

Trường Mầm non Nguyễn Huệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2022 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Thực hiện quý III năm 2022	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		-
1	Số thu phí, lệ phí	110,000,000	-		-
1.1	Học phí	110,000,000	0		-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	-	-		
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0		-
II	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>	3,250,399,400	892,404,553	27	#DIV/0!
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	3,250,399,400	892,404,553	27	#DIV/0!
3.1	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	3,250,399,400	884,005,153	27	#DIV/0!
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	2,702,000,000	675,299,243	25	#DIV/0!
	Mục 6000: Tiền lương	1,577,000,000	368,509,570	23	#DIV/0!
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	0	-	#DIV/0!	#DIV/0!
	Mục 6100: Phụ cấp lương	700,000,000	180,548,813	26	#DIV/0!
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho HS,SV, cán bộ đi học		7,500,000		
	Mục 6200: Tiền thưởng	13,000,000	11,700,000		-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	8,000,000		0	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	404,000,000	107,040,860	26	#DIV/0!

	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>528,000,000</u>	<u>171,921,410</u>	<u>33</u>	<u>#DIV/0!</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	77,000,000	11,779,010	15	#DIV/0!
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	41,600,000	16,379,000	39	#DIV/0!
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	10,000,000	2,475,000	25	#DIV/0!
	Mục 6650: Hội nghị	-			
	Mục 6700: Công tác phí	7,400,000	2,770,000	37	#DIV/0!
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	60,000,000	15,555,600	26	#DIV/0!
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	120,000,000	65,386,000	54	#DIV/0!
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			#DIV/0!	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	191,000,000	57,576,800	30	#DIV/0!
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	21,000,000		0	#DIV/0!
c	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>12,000,000</u>	<u>36,784,500</u>	<u>307</u>	<u>#DIV/0!</u>
	Mục 7750: Chi khác	12,000,000	36,784,500	307	#DIV/0!
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8,399,400	8,399,400		-
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	8,399,400	8,399,400		-
	Mục 6149: Phụ cấp khác		5,699,400		-
	Mục 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		2,700,000		-
	Mục 7499: Chi khác				-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>
	Mục 6907: Nhà cửa				
	Mục 6949: Các TS khác và CTHT CS khác				-

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị May